

Số: 1104/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá tài sản thanh lý

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 và đã được sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 191/2025/QĐ-CTUBND ngày 17/10/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Hà Đông về việc thanh lý tài sản.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 483/2026/127/CT-VVF ngày 24/6/2026 của Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính VALUTICO GROUP;

Theo đề nghị tại tờ trình số 321/TTr-KT ngày 15/7/2026 của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm làm cơ sở tổ chức đấu giá tài sản thanh lý, cụ thể như sau:

1. Tài sản thanh lý: 01 lô vật tư, vật liệu thu hồi hạng mục: Di dời hoàn trả đường điện phục vụ GPMB thực hiện dự án: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB, thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà; Dự án đầu tư xây dựng ĐT 396 kéo dài (Đoạn nối từ ĐT 391 đến ĐT390); Dự án tái định cư phục vụ GPMB xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai- Hà Nội- Hải phòng Tại điểm dân cư thôn Thiệu Mỹ, xã Hà Đông. (có bảng kê chi tiết kèm theo).

2. Giá khởi điểm: 49.764.500 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng)./.

Mức giá trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có), các chi phí bốc dỡ và vận chuyển tài sản, ... Các khoản này do người trúng đấu giá chịu thanh toán.

3. Xử lý số tiền thu được từ thanh lý tài sản: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá khởi điểm nêu trên là căn cứ để tổ chức đấu giá tài sản theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng kinh kế, các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT;

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Đại

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC THANH LÝ

STT	Tên tài sản	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá của đơn vị báo giá A	Đơn giá của đơn vị báo giá B	Đơn giá của đơn vị báo giá C	Mức giá chỉ dẫn trung bình	Chênh lệch giữa mức giá chỉ dẫn với mức giá trung bình			Đơn giá lựa chọn	Giá trị lựa chọn
								Đơn vị báo giá A	Đơn vị báo giá B	Đơn vị báo giá C		
I	THU HỒI 396 KÉO DÀI (ĐOẠN NÓI TỪ ĐT 391 ĐẾN ĐT 390)											
1	Dây AC50	98	kg	17.000	17.000	18.000	17.333	-1,92%	-1,92%	3,85%	18.000	1.764.000
2	Cột điện ly tâm	1	Cột	320.000	350.000	300.000	323.333	-1,03%	8,25%	-7,22%	350.000	350.000
II	THU HỒI TÁI ĐỊNH CƯ THÔN THIỆU MỸ											
1	Dây dẫn điện (Cáp ngầm+ không kèm ống HDPE)	1396	kg	11.000	10.000	11.000	10.667	3,13%	-6,25%	3,13%	11.000	15.356.000
2	Dây dẫn điện (vận xoắn+Mile)	354	kg	11.000	10.000	11.000	10.667	3,13%	-6,25%	3,13%	11.000	3.894.000
3	Dây điện vận xoắn	230,5	kg	11.000	10.000	11.000	10.667	3,13%	-6,25%	3,13%	11.000	2.535.500
4	Sứ gốm	15	Quả	26.000	30.000	27.000	27.667	-6,02%	8,43%	-2,41%	30.000	450.000
5	Chổi sét van	1	Bộ	15.000	13.000	14.000	14.000	7,14%	-7,14%	0,00%	15.000	15.000
6	Cầu dao phụ tải	1	Bộ	300.000	250.000	270.000	273.333	9,76%	-8,54%	-1,22%	300.000	300.000
7	Hộp công tơ	12	Hộp	18.000	20.000	20.000	19.333	-6,90%	3,45%	3,45%	20.000	240.000
8	Cột điện ly tâm	5	Cột	320.000	350.000	300.000	323.333	-1,03%	8,25%	-7,22%	350.000	1.750.000
9	Cột H	8	Cột	180.000	170.000	200.000	183.333	-1,82%	-7,27%	9,09%	200.000	1.600.000

10	Xà thép	430	kg	6.900	7.000	6.600	6.833	0,98%	2,44%	-3,41%	7.000	3.010.000
III	THU HỒI CẢI TẠO NÂNG CẤP HẠ TẦNG KỸ THUẬT, VĨNH LẬP, THANH QUANG											
1	Cột ly tâm 16 (gốc+ngọn)	1	Cột	400.000	380.000	350.000	376.667	6,19%	0,88%	-7,08%	400.000	400.000
2	Cột ly tâm 12	1	Cột	320.000	350.000	300.000	323.333	-1,03%	8,25%	-7,22%	350.000	350.000
3	Cột ly tâm 8,5	3	Cột	300.000	250.000	270.000	273.333	9,76%	-8,54%	-1,22%	300.000	900.000
4	Cột ly tâm 6,5	2	Cột	180.000	170.000	200.000	183.333	-1,82%	-7,27%	9,09%	200.000	400.000
5	Cột H	5	Cột	180.000	170.000	200.000	183.333	-1,82%	-7,27%	9,09%	200.000	1.000.000
6	Dây dẫn điện (văn xoắn+AC)	270	kg	11.000	10.000	11.000	10.667	3,13%	-6,25%	3,13%	11.000	2.970.000
7	Sứ gốm	23	Quả	26.000	30.000	27.000	27.667	-6,02%	8,43%	-2,41%	30.000	690.000
8	Xà thép	472	kg	6.900	7.000	6.600	6.833	0,98%	2,44%	-3,41%	7.000	3.304.000
9	Hộp công tơ	11	Hộp	18.000	20.000	20.000	19.333	-6,90%	3,45%	3,45%	20.000	220.000
10	Cột điện vuông (20x20x600)cm	11	Cột	180.000	170.000	200.000	183.333	-1,82%	-7,27%	9,09%	200.000	2.200.000
11	Xà thép	645	kg	6.900	7.000	6.600	6.833	0,98%	2,44%	-3,41%	7.000	4.515.000
12	Dây cáp điện văn xoắn 2x25mm2	141	kg	11.000	10.000	11.000	10.667	3,13%	-6,25%	3,13%	11.000	1.551.000
TỔNG CỘNG												49.764.500